TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH

LUẬT KINH TẾ

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7380107

(PHIÊN BẢN DÀNH CHO PHỤ HUYNH VÀ THÍ SINH)

TP. Hồ Chí Minh, 2018

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo 1

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1

1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM 1

1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Luật và Quan hệ quốc tế 2

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs) 2

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 3

1.7. Cơ hội việc làm sau đại học 4

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp 4

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập 6

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá 9

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY 11

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy 11

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy 11

2.3. Danh sách học phần 13

2.4. Tiến trình giảng dạy 17

2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần 21

2.6. Mô tả giảng dạy kỹ năng 31

2.7. Mô tả trình tự giảng dạy kỹ năng 33

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Luật kinh tế của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (UEF), mã ngành 7380107, được ban hành từ năm 2015 (theo Quyết định cấp mã ngành đào tạo số: 1493/QĐ-BGDĐT ngày 07/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) thuộc quản lý của Khoa Luật nay là Khoa Luật và Quan hệ quốc tế (L&QHQT). Khóa tuyển sinh đầu tiên vào năm 2015, tính đến năm 2018 đã có 04 khóa được tuyển sinh và đào tạo. Chương trình được xây dựng và hoàn thiện theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/07/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học. Hàng năm, chương trình được rà soát, cập nhật theo ý kiến khảo sát của người học, người sử dụng lao động và được đánh giá, nghiệm thu bởi hội đồng khoa học và đào tạo.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Các thông tin chung về CTĐT được cho ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1 Thông tin chung về CTĐT		
1.	Tên ngành đào tạo và các chuyên ngành	**Luật kinh tế (Economic Law)** *Các chuyên ngành:* Chuyên ngành 1. Luật kinh doanh Chuyên ngành 2. Luật thương mại Chuyên ngành 3. Luật Tài chính - Ngân hàng
2.	Trình độ đào tạo	Đại học
3.	Loại bằng	Cử nhân ngành Luật kinh tế
4.	Loại hình đào tạo	Chính quy tập trung
5.	Thời gian:	4 năm
6.	Số tín chỉ:	127 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy.
7.	Khoa quản lý:	Luật và Quan hệ quốc tế
8.	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt + Tiếng Anh
9.	Website:	www.uef.edu.vn
10.	Facebook:	
11.	Ban hành:	Quyết định số: ..161.../QĐ-UEF, ngày ban hành: ..19.../..4.../2018

1.3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM

"Chất lượng – Hiệu quả - Hội nhập"

A: Chất lượng: Lấy chất lượng làm nền tảng cho mọi mặt hoạt động của nhà trường.

B: Hiệu quả: Lấy sự hài lòng của các bên liên quan làm thước đo hiệu quả của Nhà trường.

C: Hội nhập: Chủ động hợp tác quốc tế, chia sẻ, tiếp thu, đổi mới và phát triển bền vững.

1.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Luật và Quan hệ quốc tế

Bảng 1.2. Tầm nhìn, sứ mạng UEF và Khoa Luật và Quan hệ quốc tế

	UEF	Khoa Luật và Quan hệ quốc tế
Tầm nhìn	UEF sẽ trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội.	Khoa Luật và Quan hệ quốc tế sẽ trở thành khoa dẫn đầu của UEF, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội.
Sứ mạng	UEF có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu; xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo; phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.	Khoa Luật và Quan hệ quốc tế có sứ mệnh đào tạo chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu; xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo; phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.
Giá trị cốt lõi	• Lấy người học làm trung tâm; • Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo; • Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội; • Coi trọng văn hóa chất lượng; • Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế.	• Lấy người học làm trung tâm; • Đề cao tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo; • Phát huy tinh thần trách nhiệm và cống hiến xã hội; • Coi trọng văn hóa chất lượng; • Thúc đẩy hợp tác, phát triển và hội nhập quốc tế.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân; Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể làm việc về công tác pháp chế, tuân thủ nội bộ, hay kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp, chính phủ hay tổ chức nghiên cứu và tư vấn.

1.5.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành Luật kinh tế có khả năng:

- *Về kiến thức:*

PO1: Sinh viên ngành Luật kinh tế có kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế và luật học, những kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong kinh doanh, đủ khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn hoạt động kinh doanh;

- *Về kỹ năng:*

PO2: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Áp dụng những kiến thức chuyên sâu về pháp luật hợp đồng thương mại quốc tế, pháp luật về đầu tư, pháp luật doanh nghiệp, giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh;

PO3: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phân tích pháp luật, phân tích rủi ro pháp lý;

PO4: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, đàm phán, làm việc nhóm và soạn thảo hợp đồng, văn bản pháp lý nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của ngành, chuyên ngành;

PO5: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;

- *Về thái độ:*

PO6: Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước, có nhân cách và kỷ cương;

PO7: Có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Nhận biết, giải thích và khả năng hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội, cụ thể là luật và kinh tế; và biết vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong đời sống – xã hội; Nắm bắt kiến thức về lý luận chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất;

PLO2: Diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức tổng quát về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý;

PLO3: Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế;

PLO4: Nhận biết, diễn giải kiến thức pháp luật vững chắc về lĩnh vực luật kinh tế, am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động kinh tế trong nước cũng như thế giới;

PLO5: Đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật;

PLO6: Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong quản lý, điều hành và kinh doanh; biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet;

PLO7: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (biện chứng, phân tích, phán đoán);

PLO8: Có kỹ năng làm việc nhóm;

PLO9: Có kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, kỹ năng viết chuyên ngành;

PLO10: Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp ngành, chuyên ngành.

PLO11: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học;

PLO12: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế đã được đào tạo;

PLO13: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về pháp lý.

1.7. Cơ hội việc làm sau đại học

1.7.1. Cơ hội việc làm

- Chuyên gia về pháp luật kinh doanh có thể đảm nhiệm các vị trí công việc ở các cơ quan quản lý nhà nước nói chung và cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh nói riêng;
- Các cơ quan nhà nước như Tòa án Nhân dân các cấp, Viện kiểm sát Nhân dân các cấp, công an, các bộ ngành của chính phủ, Ủy ban nhân dân, sở, phòng, ban ở địa phương;
- Tổ chức nghiên cứu và các đơn vị tư vấn pháp lý (công ty luật, văn phòng luật, trọng tài thương mại).
- Chuyên viên tư vấn pháp lý, phân tích, giải quyết các tranh chấp về kinh doanh;
- Luật sư tư vấn và tranh tụng tại các phiên tòa kinh tế, công ty luật;
- Trọng tài viên tại các trung tâm trọng tài thương mại;
- Pháp chế nội bộ tại các doanh nghiệp;
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật kinh tế.

1.7.2. Cơ hội học tập

- Liên thông trong với các chương trình nâng cao ở bậc sau đại học của các trường đại học trong nước và quốc tế;
- Sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng có thể đạt được sự thuận lợi để học tiếp và có thể thi để lấy các chứng chỉ hành nghề của Việt Nam, quốc tế như Luật sư, Kiểm sát viên, Công chứng viên...;

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM:

- Đối tượng tuyển sinh:
  - Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc có bằng tú tài quốc tế (IB - International Baccalaureate);
  - Hoặc tương đương (đã tốt nghiệp trung cấp), đối với người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức tuyển sinh:
  - Xét tuyển điểm thi THPT quốc gia với tổ hợp môn: A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Văn, Toán, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa);
  - Xét tuyển điểm học bạ lớp 12 với tổ hợp môn: A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Văn, Toán, Anh), C00 (Văn, Sử, Địa). Tổng điểm 03 môn trong tổ hợp môn đạt từ 18 điểm trở lên;

1.8.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm: 127 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ GD-ĐT (cụ thể là quyết định 17/VBHN-BGDĐT), Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành của

UEF. CTĐT được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, nhưng người học có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa 8 năm. Mỗi năm học có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè), mỗi học kỳ chính được phân thành 02 đợt, mỗi đợt có 8 tuần học, một tuần dự trữ và 1 tuần thi.

Theo lộ trình được thiết kế một số học phần đặc biệt được bố trí theo định hướng sau:

- Giảng dạy tiếng Anh: Các học phần Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở 03 học kỳ đầu HK1, HK2, HK3 từ HK4 trở đi, người học tham dự học các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn thực hiện giảng dạy bằng tiếng Anh); nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành;
- Giảng dạy kỹ năng: Học phần kỹ năng Project Design 1 được giảng dạy ở năm 1, Project Design 2 được giảng dạy ở năm 2, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó người học sẽ phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo;
- Giảng dạy chuyên môn: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các môn nhập môn, môn cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề ... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp (toàn thời gian tại đơn vị thực tập tối thiểu 12 tuần) và thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc 04 học phần chuyên môn sâu.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp nếu có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn bộ khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng;
- Có chứng chỉ tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường;
- Có đơn gửi về Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

1.8.4. Hệ thống tính điểm

UEF sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá người học:

- Thang điểm 10 được dùng để đánh giá các học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần.
- Mỗi học phần có 3 cột điểm chính thức: điểm quá trình chiếm 30%, điểm giữa kỳ chiếm 20%, điểm thi cuối kỳ chiếm 50%. Những học phần đặc biệt có số cột điểm do Hiệu trưởng quy định riêng.
- Điểm đánh giá học phần (hay còn gọi là điểm học phần hoặc điểm tổng kết học phần) là điểm cuối cùng để đánh giá học phần, là tổng điểm tính theo hệ số tỉ lệ phần trăm (%) của các cột điểm chính thức. Điểm đánh giá học phần tính theo thang điểm 10 được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang thang điểm 4 như sau:

Bảng 1.3. Hệ thống tính điểm UEF

Phân loại		Thang điểm hệ 10				Thang điểm hệ 4	
						Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ	8,5	đến	10,0	A	4,0
	Khá	từ	7,8	đến	8,4	B+	3,5
		từ	7,0	đến	7,7	B	3,0
	Trung bình	từ	6,3	đến	6,9	C+	2,5
		từ	5,5	đến	6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ	4,8	đến	5,4	D+	1,5
		từ	4,0	đến	4,7	D	1,0
Không đạt	Kém	từ	3,0	đến	3,9	F+	0,5
		từ	0,0	đến	2,9	F	0,0

- Thang điểm 4 là thang điểm đánh giá chính thức, được dùng để xét học vụ, xét tốt nghiệp, xếp hạng học tập và xếp loại kết quả học tập cho người học. Một học phần được xem là đạt (được tích lũy) nếu điểm đánh giá học phần từ điểm D trở lên.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Hoạt động dạy – học được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức lẫn, kỹ năng và thái độ. Chiến lược giảng dạy – học tập đa dạng được áp dụng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra đã xác định: Có kiến thức nền tảng rộng và sâu về lĩnh vực pháp lý – kinh tế, có năng lực ứng dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực Luật kinh tế; Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng pháp lý tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế trong trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu; Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của ngành, chuyên ngành; Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị...

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Thông tin được chuyển tải đến người học theo các trực tiếp: Giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược này áp dụng cho mô hình lớp học truyền thống và trong trường hợp truyền đạt thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các kỹ thuật giảng dạy cụ thể:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit Teaching): Giáo viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp sinh viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng;
- **Thuyết giảng** (Lecture): Giáo viên thuyết trình, diễn giảng: trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Sinh viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận** (Guest Lecture): Người thuyết giảng không phải là giáo viên mà những người đến từ bên ngoài (doanh nghiệp, cơ quan quản lý nghề nghiệp có liên quan). Thông qua kinh nghiệm và hiểu biết, diễn giả giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về ngành, chuyên ngành;
- **Câu hỏi gợi mở** (Inquiry): Trong quá trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó, dẫn dắt, hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời từng câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đã đặt ra;

- **Các kỹ thuật khác**: Ngoài các kỹ thuật trên giảng viên có thể áp dụng một số kỹ thuật khác như minh họa (demonstration).

1.9.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động

Chiến lược này khuyến khích sinh viên đạt mục tiêu học tập thông qua thực hành, thúc đẩy sinh viên khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với đối tượng khác. Chiến lược này còn gọi là phương pháp học tập dựa trên dự án, tạo điều kiện cho người học thể hiện vai trò trong cả hoạt động độc lập lẫn hợp tác. Sinh viên không chỉ thu thập được kiến thức mà còn phát triển kỹ năng và rèn luyện thái độ chịu trách nhiệm.

- **Trò chơi** (Games): Là những hoạt động mô phỏng hoặc các cuộc thi (có hợp tác, cạnh tranh) được tổ chức chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi giúp người học gặt hái được kiến thức thông qua ứng dụng thực tế, ra quyết định trong hoạt động mô phỏng nghề nghiệp, mặt khác, có thể phát triển kỹ năng làm việc nhóm và cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp sinh viên nhận thức về tầm ảnh hưởng của quyết định của mình đến bản thân và đến những người tham gia khác.
- **Thực tập/ trải nghiệm thực tế** (Field Trip): Thông qua hoạt động tham quan, kiến tập, thực tập tại các doanh nghiệp, sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành nghề đang được đào tạo, tiếp cận công nghệ đang được ứng dụng, nhận diện được các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và văn hóa làm việc tại công ty. Phương pháp này không chỉ giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn giúp người học tiếp cận cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.
- **Tranh luận** (Debates): Trong quá trình dạy học, giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên trình bày quan điểm khác nhau về vấn đề, lý giải, phân tích, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua phương pháp này, sinh viên hình thành kỹ năng tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định, rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông.
- **Thảo luận** (Discussion): Sinh viên được chia thành các nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập tình huống) do giảng viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên phân tích các định nghĩa, dữ liệu, nêu quan điểm và thảo luận với giảng viên về đề tài. Việc tiếp cận và lắng nghe nhiều quan điểm giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống.

1.9.3. Chiến lược dạy học dựa vào nghệ thuật

Giúp sinh viên phát triển khả năng sáng tạo, phát triển cảm xúc qua giao tiếp xã hội. Phương pháp đóng vai (Role Play) có vai trò chủ đạo thực hiện chiếc lược này, theo đó, người học được giả định vai trò khác nhau trong một tình huốn học tập và thực hiện tương tác nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể.

1.9.4. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy giúp người học phát triển tư duy phản biện, tư duy phân tích, thúc đẩy tư duy sang tạo độc lập cho sinh viên.

- **Giải quyết vấn đề** (Problem Solving): Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được kiến thức mới, phát triển kỹ năng thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết, tìm giải pháp cho vấn đề.
- **Tập kích não** (Brainstorming): Người học được chia nhóm, cùng chia sẻ và thảo luận ý tưởng cho vấn đề đặt ra.
- **Bài tập tình huống** (Case Study): Giảng viên đưa ra các tình huống, vấn đề trong thực tế có liên quan bài học yêu cầu sinh viên giải quyết. Sinh viên là chủ thể, là trung tâm giải quyết vấn đề, qua đó hình thành và phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng nghiên cứu.

1.9.5. Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược này giúp sinh viên trở nên năng động, có trách nhiệm thông qua việc thúc đẩy các nhóm tương tác. Trọng tâm là dạy sinh viên tương tác thành công với nhau nhằm chuyển thành kỹ năng tương tác hiệu quả trong xã hội. **Học nhóm** (Teamwork Learning) là phương pháp chủ đạo cho chiến lược này. Sinh viên được tổ chức thành nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra và trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm thông qua báo cáo, thuyết trình trước lớp với sự điều khiển của giảng viên.

1.9.6. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Sinh viên xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm phương pháp phù hợp để giải quyết vấn đề hoặc báo các các kết quả nghiên cứu dựa trên các bằng chứng thu thập được. **Dự án nghiên cứu** (Project Research) được áp dụng trong một số môn học chuyên ngành và học phần cuối khóa nhằm giúp sinh viên phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu.

1.9.7. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp (Blended Model) nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning). Thông qua hệ thống quản trị học tập (LMS), giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số quá trình đào tạo ngành, chuyên ngành Luật kinh tế trong bối cảnh của CMCN 4.0.

Hình 1.1- Cổng thông tin Eleaning của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp.HCM https://elearning.uef.edu.vn

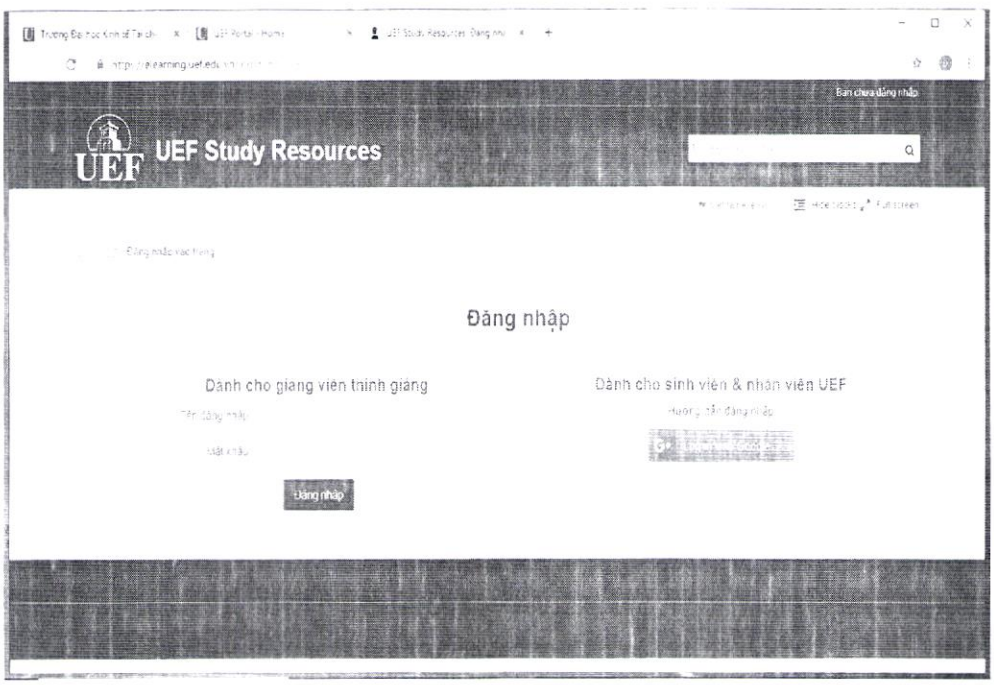

1.9.8. Chiến lược tự học

Chiến lược này nhằm hình thành kỹ năng học tập suốt đời, tự phát triển năng lực bản thân của sinh viên. **Các bài viết** (Work Assignment) được giảng viên cho về nhà nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Sinh viên chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết, thông qua đó sinh viên rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng nghiên cứu.

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá

1.10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa Luật và Quan hệ quốc tế thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẽ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Luật và Quan hệ quốc tế đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going, Formative Assessment) và đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.10.1.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going, Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được UEF, Khoa Luật và Quan hệ quốc tế áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attenden check), đánh giá bài tập (work assigmeent), làm việc nhóm (team work), thuyết trình (oral presentation).

- **Đánh giá chuyên cần** (Attenden Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp, trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắng, chấp hành tốt nội quy, nền nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định: lý thuyết, thực hành, đồ án, thực tập, (Rubric 1, Rubric 4a, Rubric 6).
- **Đánh giá bài tập** (Work Assigmeent): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.
- **Đánh giá thuyết trình** (Oral Presentation): Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 2a, 2b, 2c.

1.10.1.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được UEF, Khoa Luật và Quan hệ quốc tế sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/ chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/ Thesis).

- **Kiểm tra viết** (Written Exam): theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
- **Kiểm tra trắc nghiệm** (Multiple Choice Exam): Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.
- **Bảo vệ và thi vấn đáp** (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5b.
- **Viết báo cáo** (Written Report): người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ … trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 4b, 5a, 5b
- **Thuyết trình** (Oral Presentation): Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo Rubric 2a, 2b, 2c. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).
- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm. (Rubric 3)
- **Thực hành** (practice): Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể.
- **Báo cáo thực tập, khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp** (graduation report, Thesis): Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận, đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo (Rubric 4b, 5a, 5b).

1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubric)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, Khoa Luật và Quan hệ quốc tế đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể thực hiện việc đánh giá người học theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như rubric đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau. Các rubric đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế.

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 127 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Luật kinh tế

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	**Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành**	**24**	18,9 %
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**	**27**	21,3 %
1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**	**12**	9,4 %
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**	**34**	26,8 %
1.4.1	Khoa học xã hội	12	
1.4.2	Khoa học chính trị	10	
1.4.3	Pháp luật	3	
1.4.4	Tin học	3	
1.4.5	Thiết kế dự án	6	
1.5	**Kiến thức ngành gần, khác ngành**	**6**	4,7 %
1.6	**Kiến thức đại cương khác**	**24**	18,9 %
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	24	
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
	Tổng cộng:	**127**	**100%**

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (24 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cho người học những kiến thức cơ bản của nhóm ngành luật, diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức tổng quát về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý; giúp sinh viên có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế; Nắm bắt các kiến thức chung, cơ bản, nền tảng của nhóm ngành luật, các kiến thức phổ quát về quản lý hành chính nhà nước; các quyền, nghĩa vụ công dân, chế độ nhà nước, kiến thức về chủ thể kinh doanh. Kiến thức nền tảng về pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, lao động. Các môn học trong nhóm này như: Luật hành chính, Luật hiến pháp Việt Nam, Pháp luật về doanh nghiệp, Những vấn đề chung về luật dân sự, Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Pháp luật về tài sản và quyền sở hữu, Luật hình sự; Luật lao động.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (27 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học khả năng nhận biết, diễn giải kiến thức pháp luật vững chắc về lĩnh vực luật kinh tế, am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động kinh tế trong nước cũng như thế giới; Đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật. Cung cấp kiến thức nền tảng về giao dịch dân sự, thương mại, các quy định về cạnh tranh, kiến thức nền tảng về thuế, quyền sử đất, quản lý đất đai và pháp luật môi trường, pháp luật về

tài nguyên thiên nhiên, kiến thức nền tảng quy định về trình tụ, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, hình sự, kinh tế; kiến thức và kỹ năng cần thiết về kinh nghiệm làm việc, thực hành nghề nghiệp .Các môn học trong nhóm kiến thức ngành cốt lõi như: Luật hợp đồng, Luật môi trường, Luật thương mại, Luật cạnh tranh, Luật đất đai, Luật thuế, Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hình sự, Thực tập tốt nghiệp.

2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học khả năng đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật; Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong quản lý, điều hành và kinh doanh; biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế đã được đào tạo; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về pháp lý.

Nhóm kiến thức nâng cao, bao gồm 03 chuyên ngành với các nền tảng kiến thức cung cấp cho sinh viên. Theo đó, chuyên ngành Luật kinh doanh: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ cho pháp luật kinh doanh: bất động sản, bảo hiểm; kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng, giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh (Luật kinh doanh bảo hiểm, Pháp luật kinh doanh bất động sản, Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp, Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng). Chuyên ngành Luật thương mại: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ cho việc ra các quyết định trong lĩnh vực pháp luật thương mại, cụ thể về các hợp đồng thương mại, các giao dịch dân sự có yếu tố nước ngoài (Luật thương mại quốc tế, Luật hợp đồng thương mại quốc tế, Tư pháp quốc tế, Luật hàng hải). Chuyên ngành Luật Tài chính – Ngân hàng: kiến thức chuyên sâu và các công cụ phục vụ cho việc ra các quyết định trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, các kiến thức về chứng khoán, thuế (Luật ngân hàng, Luật tài chính, Luật chứng khoán, Luật thuế quốc tế).

Trong nhóm kiến thức nâng cao còn được xác định qua khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, để làm khóa luận tốt nghiệp theo các chuyên ngành sinh viên lựa chọn.

2.2.4. Kiến thức nền tảng rộng (34 tín chỉ):

Nhằm cung cấp cho người học

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô; kiến thức về xã hội học; kiến thức nền tảng và các nguyên tắc cũng như các nội dung cơ bản của quản trị.
- Kiến thức hệ thống triết học, nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội;
- Kiến thức về pháp luật Nhà nước, hình thành quan điểm, tầm nhìn, định hướng cho người học về hệ thống pháp luật Việt Nam;
- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày;
- Kiến thức, kỹ thuật để thiết kế và phát triển dự án. Qua đó, hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: soạn thảo văn bản, thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch, phát hiện và giải quyết vấn đề.

2.2.5. Kiến thức ngành gần, khác ngành (6 tín chỉ)

- Với nhóm ngành luật kinh tế, các môn học ngành gần trong nhóm ngành luật là cần thiết để bổ trợ cho các môn học trong chương trình đào tạo ngành luật kinh tế, có thể kể đến các môn học bổ trợ cho quá trình hội nhập quốc tế, như: Luật quốc tế, Luật sở hữu trí tuệ.

2.2.6. Kiến thức đại cương khác (27 tín chỉ)

Nhóm môn học này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng quan trọng trong giao tiếp và hội nhập:

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ (Tiếng Anh);
- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao vào quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất;
- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.2. Danh sách học phần trong chương trình ngành Luật kinh tế

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết (*Lý thuyết-LT; Thực hành-TH; Thí nghiệm-TN; Bài tập-BT; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT*)					Mã HP trước	Mã HP song hành
				Tổng	LT	TH/ BT/ TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành			**24**							
1.1.1	LAW1104	Luật hành chính	3	45	45					
1.1.2	LAW1102	Luật hiến pháp Việt Nam	3	45	45					
1.1.3	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	45	45					
1.1.4	LAW1103	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	45	45					
1.1.5	LAW1108	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	45	45					
1.1.6	LAW1105	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu	3	45	45					
1.1.7	LAW1109	Luật hình sự	3	45	45					
1.1.8	LAW113E	Luật lao động	3	45	45					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi			**27**							
1.2.1	LAW1106	Luật hợp đồng	3	45	45					
1.2.2	LAW1110E	Luật môi trường	3	45	45					
1.2.3	LAW1111	Luật thương mại	3	45	45					
1.2.4	LAW1118E	Luật cạnh tranh	3	45	45					
1.2.5	LAW1114	Luật đất đai	3	45	45					
1.2.6	LAW1117	Luật thuế	3	45	45					
1.2.7	LAW1112	Luật tố tụng dân sự	3	45	30	15				
1.2.8	LAW1115	Luật tố tụng hình sự	3	45	30	15				
1.2.9	LAW1353	Thực tập tốt nghiệp	3					X		
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ			**12**							
Sinh viên chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau hoặc khóa luận tốt nghiệp.			***12***							

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết (Lý thuyết-LT; Thực hành-TH; Thí nghiệm-TN; Bài tập-BT; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)					Mã HP trước	Mã HP song hành
				Tổng	LT	TH/ BT/ TN	ĐA	TT		
	Chuyên ngành 1. Luật kinh doanh									
1.3.1.1	LAW1122E	Luật kinh doanh bảo hiểm	3	45	45					
1.3.1.2	LAW1127E	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	45	45					
1.3.1.3	LAW1120E	Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp	3	45	45					
1.3.1.4	LAW1121E	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	45	45					
1.3.1.5	LAW1454	Khóa luận tốt nghiệp	12				X			
	Chuyên ngành 2. Luật thương mại									
1.3.2.1	LAW1128E	Luật thương mại quốc tế	3	45	45					
1.3.2.2	LAW1125E	Luật hợp đồng thương mại quốc tế	3	45	45					
1.3.2.3	LAW1124E	Tư pháp quốc tế	3	45	45					
1.3.2.4	LAW1123E	Luật hàng hải	3	45	45					
1.3.2.5	LAW1454	Khóa luận tốt nghiệp	12				X			
	Chuyên ngành 3. Luật Tài chính – Ngân hàng									
1.3.3.1	LAW1138E	Luật ngân hàng	3	45	45					
1.3.3.2	LAW1135E	Luật tài chính	3	45	45					
1.3.3.3	LAW1136E	Luật chứng khoán	3	45	45					
1.3.3.4	LAW1137E	Luật thuế quốc tế	3	45	45					
1.3.3.5	LAW1454	Khóa luận tốt nghiệp	12				X			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng			**26**							
1.4.1 Khoa học xã hội			***12***							
1.4.1.1	SOC1101	Xã hội học	3	45	45					
1.4.1.2	ECO1101E	Kinh tế vi mô	3	45	45					
1.4.1.3	MGT1101E	Quản trị học	3	45	45					
1.4.1.4	ECO1102E	Kinh tế vĩ mô	3	45	45					
1.4.2 Khoa học chính trị			***10***							
1.4.2.1	POL1101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	30	30					
1.4.2.2	POL1102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	45	45					
1.4.2.3	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng	3	45	45					

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết (*Lý thuyết-LT; Thực hành-TH; Thí nghiệm-TN; Bài tập-BT; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT*)					Mã HP trước	Mã HP song hành
				Tổng	LT	TH/ BT/ TN	ĐA	TT		
		Cộng sản Việt Nam								
1.4.2.4	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30					
1.4.3 Pháp luật			***3***							
1.4.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	45	45					
1.4.4 Tin học			***3***							
1.4.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	3	60	30	30				
1.4.5 Thiết kế dự án			***6***							
1.4.5.1	SKI1107	Project design 1	3	45	45					
1.4.5.2	SKI1108	Project design 2	3	45	45				SKI1107	
1.5 Kiến thức ngành gần, khác ngành			***6***							
1.5.1	LAW1116E	Luật quốc tế	3	45	45					
1.5.2	LAW1119E	Luật sở hữu trí tuệ	3	45	45					
1.6 Kiến thức đại cương khác			**27**							
1.6.1 Ngoại ngữ			***24***							
1.6.1.1	ENG2101	Tiếng Anh 1	4	60	45	15				
1.6.1.2	ENG2102	Tiếng Anh 2	4	60	45	15				
1.6.1.3	ENG2103	Tiếng Anh 3	4	60	45	15				
1.6.1.4	ENG2104	Tiếng Anh 4	4	60	45	15				
1.6.1.5	ENG2105	Tiếng Anh 5	4	60	45	15				
1.6.1.6	ENG2106	Tiếng Anh 6	4	60	45	15				
1.6.2	**Giáo dục thể chất** *(sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)*		***3***							
		Nhóm 1								
1.6.2.1.1	GYM1311	GDTC-Aerobic 1	1	30	8	22				
1.6.2.1.2	GYM1312	GDTC-Aerobic 2	1	30	8	22				
1.6.2.1.3	GYM1313	GDTC-Aerobic 3	1	30	8	22				
		Nhóm 2								
1.6.2.2.1	GYM1321	GDTC-Vovinam 1	1	30	8	22				
1.6.2.2.2	GYM1322	GDTC-Vovinam 2	1	30	8	22				
1.6.2.2.3	GYM1323	GDTC-Vovinam 3	1	30	8	22				
		Nhóm 3								
1.6.2.3.1	GYM1331	GDTC-Boxing 1	1	30	8	22				
1.6.2.3.2	GYM1332	GDTC-Boxing 2	1	30	8	22				
1.6.2.3.3	GYM1333	GDTC-Boxing 3	1	30	8	22				
		Nhóm 4								
1.6.2.4.1	GYM1341	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1	1	30	8	22				

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết (*Lý thuyết-LT; Thực hành-TH; Thí nghiệm-TN; Bài tập-BT; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT*)					Mã HP trước	Mã HP song hành
				Tổng	LT	TH/ BT/ TN	ĐA	TT		
1.6.2.4.2	GYM1342	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2	1	30	8	22				
1.6.2.4.3	GYM1343	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3	1	30	8	22				
1.6.3	**Giáo dục quốc phòng an ninh**									
1.6.3.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh		165	90	75				

Ghi chú: Mã HP ký hiệu **xxxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh

2.4. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.3. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	ENG2101	Tiếng Anh 1	4							
2	LAW1101	Pháp luật đại cương	3							
3	ENG2102	Tiếng Anh 2	4							
4	ITE1201	Tin học đại cương	3							
5	LAW1102	Luật hiến pháp Việt Nam	3							
		Cộng:	**17**							
6	ENG2103	Tiếng Anh 3		4						
7	LAW1104	Luật hành chính		3						
8	ENG2104	Tiếng Anh 4		4						
9	SKI1107	Project design 1		3						
10	LAW1103	Những vấn đề chung về luật dân sự		3						
		Cộng:		**17**						
11	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh								
12	ENG2105	Tiếng Anh 5			4					
13	SKI1108	Project design 2			3					
14	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp			3					
15	GYMxxxx	Giáo dục thể chất - 1			1					
16	ENG2106	Tiếng Anh 6			4					
17	MGT1101E	Quản trị học			3					
18	GYMxxxx	Giáo dục thể chất - 2			1					
		Cộng:			**19**					
19	ECO1101E	Kinh tế vi mô				3				
20	LAW1106	Luật hợp đồng				3				
21	GYMxxxx	Giáo dục thể chất - 3				1				
22	ECO1102E	Kinh tế vĩ mô				3				
23	SOC1101	Xã hội học				3				
24	LAW1105	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu				3				
		Cộng:				**16**				
25	POL1101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1					2			
26	LAW1116E	Luật quốc tế					3			
27	LAW1108	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng					3			
28	POL1102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2					3			
29	LAW1111	Luật thương mại					3			
30	LAW1112	Luật tố tụng dân sự					3			
		Cộng:					**17**			

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)							
			1	2	3	4	5	6	7	8
31	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam						3		
32	LAW1113E	Luật lao động						3		
33	LAW1110E	Luật môi trường						3		
34	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh						2		
35	LAW1118E	Luật cạnh tranh						*3*		
36	LAW1117	Luật thuế						3		
		Cộng:						**17**		
37	LAW1114	Luật đất đai							3	
38	LAW1109	Luật hình sự							3	
39	LAW1115	Luật tố tụng hình sự							3	
40	LAW1119E	Luật sở hữu trí tuệ							3	
41	LAW1454	Khóa luận tốt nghiệp							12	
	Chuyên ngành 1. Luật kinh doanh									
42	LAW1120E	Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp							3	
43	LAW1127E	Pháp luật kinh doanh bất động sản							3	
	Chuyên ngành 2. Luật thương mại									
42	LAW1124E	Tư pháp quốc tế							3	
43	LAW1125E	Luật hợp đồng thương mại quốc tế							3	
	Chuyên ngành 3. Luật Tài chính - Ngân hàng									
42	LAW1135E	Luật tài chính							3	
43	LAW1138E	Luật ngân hàng							3	
		Cộng:							**18**	
	Chuyên ngành 1. Luật kinh doanh									
44	LAW1121E	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng								3
45	LAW1122E	Luật kinh doanh bảo hiểm								3
	Chuyên ngành 2. Luật thương mại									
44	LAW1123E	Luật hàng hải								3
45	LAW1128E	Luật thương mại quốc tế								3
	Chuyên ngành 3. Luật Tài chính - Ngân hàng									
44	LAW1136E	Luật chứng khoán								3
45	LAW1137E	Luật thuế quốc tế								3
46	LAW1353	Thực tập tốt nghiệp								3
		Cộng:								**9**
Cộng:			**17**	**17**	**19**	**17**	**17**	**17**	**18**	**9**

Hình 2.1. Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành Luật kinh tế

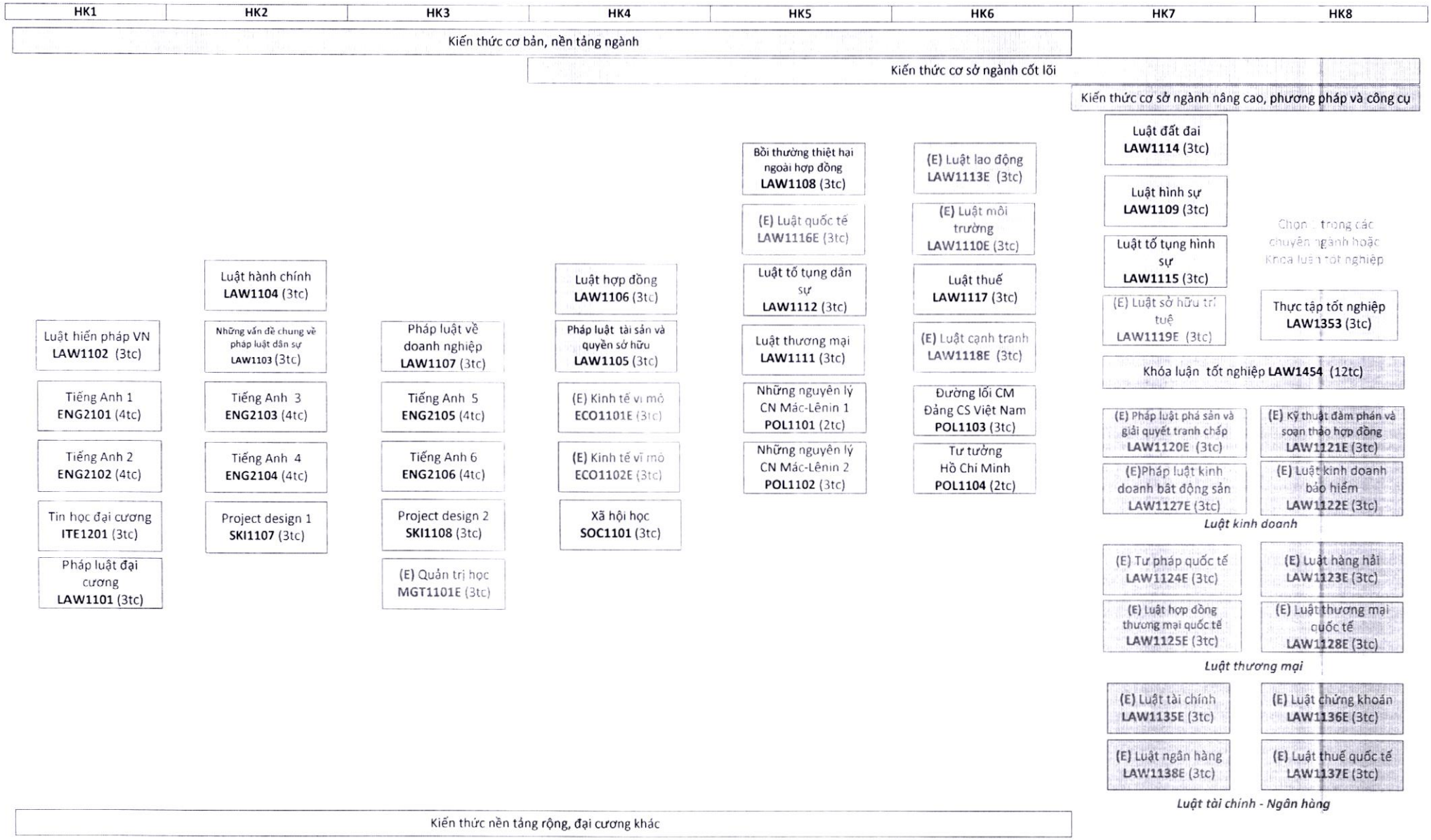

Hình 2.2. Sơ đồ kế hoạch tổ chức giảng dạy các học phần ngành Luật kinh tế

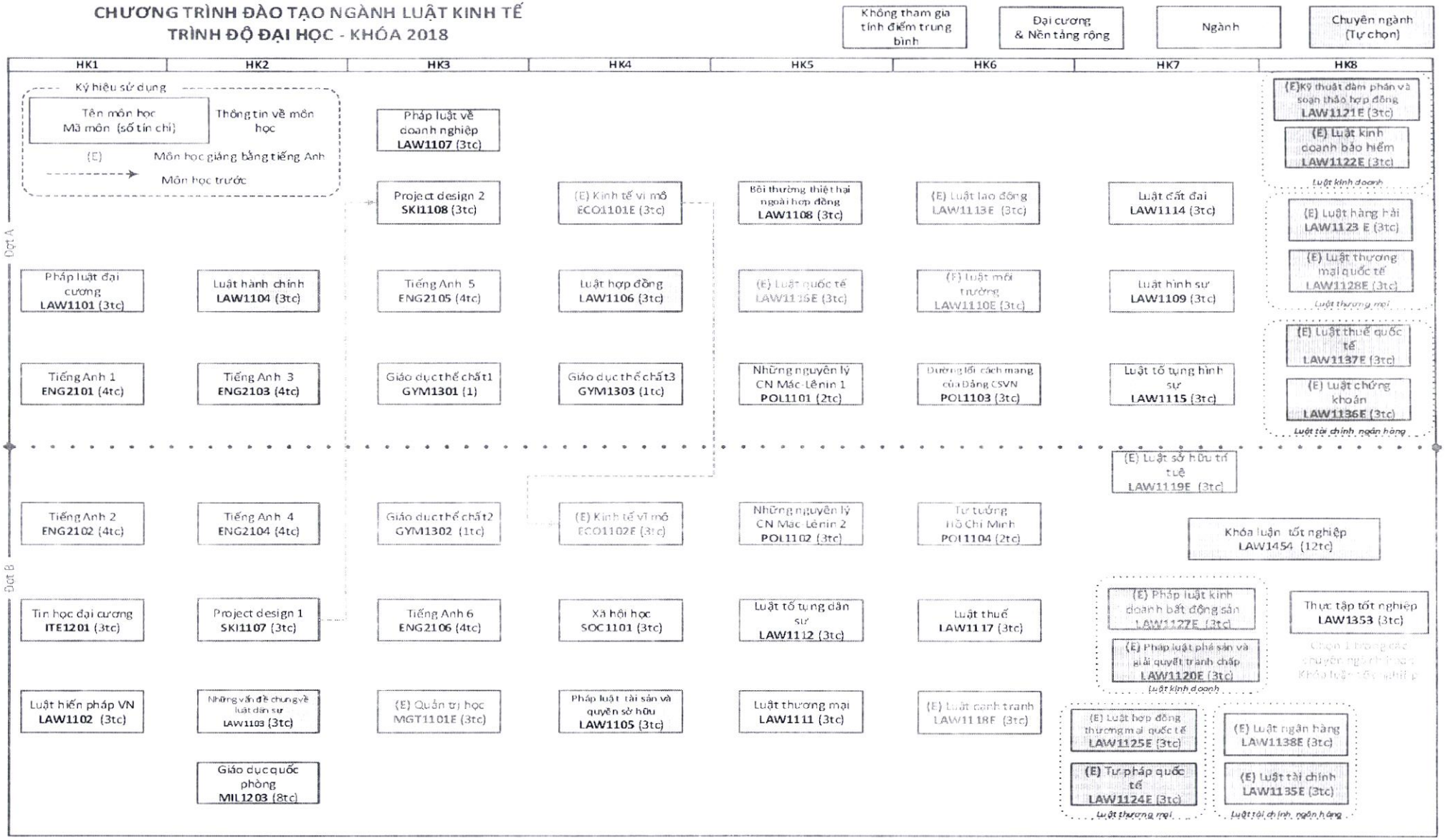

2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Luật hành chính: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hành chính và Luật tố tụng hành chính Việt Nam, bao gồm:

- Các kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước như những khái niệm, nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước.
- Những vấn đề về thủ tục và quyết định hành chính, vi phạm hành chính, trách nhiệm hành chính và những biện pháp cưỡng chế hành chính.
- Những nguyên nhân đã dẫn đến sự hình thành, thay đổi của tài phán hành chính, luật tố tụng hành chính. Thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân và toàn bộ trình tự, thủ tục để giải quyết một vụ án hành chính.

Luật hiến pháp Việt Nam: 03 tín chỉ.

Học phần trang bị cho người học kiến thức lý luận cơ bản về Hiến pháp Việt Nam - đạo luật cơ bản của mỗi nhà nước hiện đại, bao gồm:

- Những quan điểm, nhận thức về quyền con người, quyền công dân và tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong điều kiện xây dựng chế độ hiến pháp và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Các kiến thức cơ bản để có nhận thức đúng về thực hiện quyền lực nhà nước và cơ chế pháp lý kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước (bản chất kiểm soát quyền lực nhà nước, thực tiễn thực hiện và hoàn thiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam) để nâng cao chất lượng cuộc sống của các cá nhân và hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong xã hội.

Pháp luật về doanh nghiệp: 03 tín chỉ.

Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

- Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh.
- Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật.
- Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.

Những vấn đề chung về luật dân sự: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận của luật dân sự và các quy định của pháp luật về những vấn đề chung của pháp luật dân sự Việt Nam. Nội dung chương trình môn học gồm 7 bài: bao gồm những nội dung chính sau đây: Khái niệm, nhiệm vụ, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật Dân sự Việt nam; hệ thống luật dân sự Việt Nam; phân biệt Luật dân sự với các ngành luật khác; khoa học luật dân sự; quan hệ pháp luật dân sự; chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện trong quan hệ pháp luật dân sự, thời hạn, thời hiệu, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như những căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường, các nguyên tắc bồi thường cũng như xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể. Nắm bắt bản chất của cơ chế, hoạt động của pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Vận dụng, giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Pháp luật tài sản và quyền sở hữu: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận và những quy định của pháp luật về các chế định sở hữu tài sản, quyền sở hữu trí tuệ và quyền thừa kế. Chế định về tài sản và quyền sở hữu là chế định trung tâm không những của luật dân sự mà của cả hệ thống pháp luật nói chung. Bất kỳ sự thay đổi nào của chế định về tài sản và quyền sở hữu sẽ dẫn đến các thay đổi tương ứng trong các quy định của các ngành luật khác. Từ những kiến thức lý luận và quy định của pháp luật, sinh viên có thể giải quyết những tình huống, quan hệ dân sự trong thực tế.

Luật hình sự: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống lý luận cơ bản về Luật hình sự, tội phạm, cấu thành tội phạm; trên cơ sở đó sinh viên có thể tự giải các bài tập với các yêu cầu cụ thể được đặt ra trong thực tiễn như: nhận diện tội phạm trong vụ việc cụ thể; xác định giai đoạn phạm tội, vai trò đồng phạm trong các vụ án, xác định rõ những trường hợp loại trừ TNHS; xác định khung hình phạt, tổng hợp hình phạt, xác định giới hạn hình phạt cho phép áp dụng trong các tình huống cụ thể, bình luận về phần hình phạt đối với các bản án hình sự đã tuyên. Trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận và làm chủ hệ thống kiến thức về các nhóm tội phạm để vận dụng một cách có hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp; bước đầu xây dựng cho sinh viên những kỹ năng định tội và quyết định hình phạt.

Luật lao động: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết về luật lao động, như:

- Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường
- Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động
- Những nguyên tắc của ngành luật
- Hệ thống và nguồn của luật lao động
- Sơ lược về lịch sử Luật Lao động Việt Nam từ Cách mạng tháng 8 đến nay
- Quan hệ pháp luật lao động
- Giới thiệu khái quát về các chế định cơ bản của Luật Lao động

Luật hợp đồng: 03 tín chỉ.

Pháp luật hợp đồng được định nghĩa là sự thỏa thuận giữa các chủ thể nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong những quan hệ xã hội cụ thể. Trong các hợp đồng yếu tố cơ bản nhất là sự thỏa hiệp giữa các ý chí, tức là có sự ưng thuận giữa các bên với nhau. Đương nhiên tự do hợp đồng không phải là tự do tuyệt đối. Nhà nước buộc các bên khi giao kết hợp đồng phải tôn trọng đạo đức, trật tự xã hội, trật tự công cộng. Trong những trường hợp thật cần thiết, nhân danh tổ chức quyền lực công, nhà nước có thể can thiệp vào việc ký kết hợp đồng và do đó giới hạn quyền tự do giao kết hợp đồng. Tuy nhiên sự can thiệp này phải là sự can thiệp hợp lý và được pháp luật quy định chặt chẽ để tránh sự lạm dụng, vi phạm quyền tự do hợp đồng. Pháp luật về hợp đồng bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.

Luật môi trường: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp kiến thức về lĩnh vực luật môi trường, một số khái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực: kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường... để có cơ sở khoa học tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ thuật (vốn rất phổ biến trong hệ thống vác văn bản pháp luật môi trường) và thấy được mối quan hệ giữa khoa học pháp lý về môi trường với các khoa học khác về môi trường. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật môi trường, các nguyên tắc của luật môi trường, nguồn và cấu trúc nguồn của luật môi trường. Pháp luật quy định về tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử…

Luật thương mại: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.

Luật cạnh tranh: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ thể kinh doanh, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp. Pháp luật về các hoạt động cạnh tranh theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: hành vi cạnh tranh không lành mạnh; các quy định của Luật cạnh tranh về hành vi hạn chế cạnh tranh; khái quát về cơ quan cạnh tranh và thủ tục tố tụng cạnh tranh.

Luật đất đai: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về Luật đất đai và phân biệt được Luật đất đai với các lĩnh vực pháp luật dân sự và hành chính. Sinh viên biết và hiểu được chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chế độ pháp lý đối với các loại đất, vấn đề giải quyết tranh chấp đất đai.

Luật thuế: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận nền về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân… Môn học cũng trang bị cho sinh viên cách đọc và hiểu văn bản thuế.

Luật tố tụng dân sự: 03 tín chỉ.

Phần một của môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tố tụng dân sự cho sinh viên như khái niệm tố tụng dân sự, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự, vấn đề thẩm quyền xét xử của Tòa án, vấn đề về chứng cứ và chứng minh, các biện pháp khẩn cấp tạm thời, thời hạn, thời hiệu trong tố tụng, án phí và các chi phí tố tụng.

Phần hai của môn học cung cấp kiến thức cho sinh viên về trình tự, thủ tục tố tụng theo từng giai đoạn tố tụng từ lúc khởi kiện cho đến lúc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Trong phần học này cũng bao gồm cả sự phân biệt giữa thủ tục giải quyết vụ án dân sự và thủ tục giải quyết việc dân sự trong tố tụng dân sự.

Luật tố tụng hình sự: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp kiến thức và năng lực cho sinh viên:

- Nêu được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự;
- Xác định và phân biệt được địa vị pháp lí của các chủ thể trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự;
- Hiểu được bản chất, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ và những vấn đề khác có liên quan đến việc chứng minh;
- Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các hoạt động cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự.
- Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; xét xử phúc thẩm; giám đốc thẩm; tái thẩm.
- Hiểu được nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này; các biện pháp ngăn chặn
- Nhận thức được những quy định chung về thi hành án, trình tự, thủ tục, chủ thể thi hành bản án và quyết định của toà án.

Luật kinh doanh bảo hiểm: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cơ sở lý luận và hệ thống quy phạm pháp luật thực định về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể tiếp cận và làm chủ các tình huống trong thực tiễn hoạt động bảo hiểm. Học phần luật kinh doanh bảo hiểm gồm 4 bài trình bày các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các chủ thể có liên quan, quyền và nghĩa vụ của các bên trong cá loại hợp đồng bảo hiểm thông dụng theo quy định của pháp luật.

Pháp luật kinh doanh bất động sản: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bất động sản và kinh doanh bất động sản; nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia vào các hoạt động liên quan đến bất động sản như: mua bán nhà, cho thuê, thuê lại, thuê mua và các hoạt động phát sinh liên quan đến bất động sản như dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học nghiên cứu về quy trình quản lý của nhà nước trong các hoạt động chuyển giao một phần hoặc toàn phần bất động sản hình thành trong tương lai giữa các chủ đầu tư.

Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp: 03 tín chỉ.

Học phần Pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp giúp sinh viên nắm bắt các quy định của pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, bao gồm những nội dung cơ bản: khái niệm phá sản; trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; các quyền và nghĩa vụ của chủ thể tiến hành phá sản và chủ thể tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm tranh chấp kinh doanh, thương mại để xác định thẩm quyền giải quyết của các cơ quan; các hình thức giải quyết tranh chấp; địa vị pháp lý của trọng tài thương mại của Việt Nam; thủ tục tố tụng trọng tài theo Luật trọng tài Việt Nam.

Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng: 03 tín chỉ.

Hợp đồng được điều chỉnh bởi nhiều ngành luật khác nhau. Có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về hợp đồng, trong đó Bộ luật dân sự được coi là luật chung. Ngoài ra, mỗi loại hợp đồng còn được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành, chẳng hạn: hợp đồng bảo hiểm được điều chỉnh bởi Luật kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng về nhà ở được điều chỉnh bởi Luật nhà ở, một số hợp đồng trong thương mại được điều chỉnh bởi Luật thương mại... Tuy nhiên, trên thực tế, khi đàm phán và soạn thảo hợp đồng, các bên đều hướng đến việc đảm bảo lợi ích và an toàn nhất cho mình trên cơ sở phải tuân theo những nguyên tắc nhất định. Học phần này nhằm hướng

dẫn cho người học các kĩ năng khi đàm phán hợp đồng, kĩ năng soạn thảo và kí kết hợp đồng sao cho hợp đồng luôn mang tính cụ thể, minh bạch, được pháp luật thừa nhận và là cơ sở bảo đảm quyền lợi của các bên.

- Các loại hợp đồng trong hoạt động kinh doanh; Kỹ năng soạn thảo các hợp đồng, phòng ngừa các rủi ro phát sinh từ hợp đồng;
- Các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng và hoạt động kinh doanh, ưu điểm và hạn chế; Những vấn đề cần lưu ý

Luật thương mại quốc tế: 03 tín chỉ.

Học phần Luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế, bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về:

(1) Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế;

(2) Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ;

(3) Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO;

(4) Thương mại dịch vụ và GATS;

(5) Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs;

(6) Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO;

(7) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;

(8) Pháp luật về thanh toán quốc tế;

(9) Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

Luật hợp đồng thương mại quốc tế: 03 tín chỉ.

Học phần Luật hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế cũng như pháp luật điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về:

(1) Tổng quan về hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế khác;

(2) Tự do hợp đồng;

(3) Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;

(4) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;

(5) Hợp đồng đại lí và phân phối sản phẩm quốc tế;

(6) Logistics quốc tế;

(7) Hoạt động thanh toán quốc tế;

(8) Bảo hiểm hàng hoá trong thương mại quốc tế.

Tư pháp quốc tế: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về Tư pháp quốc tế nói chung và Tư pháp quốc tế Việt Nam nói riêng, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài; hiểu rõ về địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, việc vận dụng các quy phạm của pháp luật trong nước, điều ước quốc tế, các tập quán quốc tế giải quyết các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài.

Luật hàng hải: 03 tín chỉ.

Luật hàng hải là học phần chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí cơ bản về các hoạt động hàng hải như việc sử dụng tàu biển vào các mục đích dân sự như kinh tế - thương mại, vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa... Học phần đồng thời cung cấp kiến thức về giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hàng hải ở Việt Nam.

Luật ngân hàng: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam. Trong đó, học phần này sẽ đề cập đến những nội dung mang tính khái quát nhất về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hệ thống tổ chức tín dụng, cũng như các hoạt động nghiệp vụ cơ bản diễn ra trong hệ thống ngân hàng.

Luật tài chính: 03 tín chỉ.

Học phần Luật tài chính sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về lĩnh vực tài chính nói chung và tài chính công nói riêng và các quy định pháp luật về tạo lập, sử dụng, phân phối quỹ ngân sách nhà nước cũng như các quy định về kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực Ngân sách nhà nước, các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp, cá nhân với nhà nước. Với những thông tin được trình bày trong học phần, sinh viên sẽ hiểu được vai trò, bản chất của tài chính và ngân sách nhà nước, những yếu tố chi phối quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước, tại sao trong lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước cần thiết phải có hoạt động kiểm tra, thanh tra của nhà nước mà cụ thể là cơ quan đại diện cho nhân dân, cơ sở nào để qui định nghĩa vụ tài chính của các tổ chức, cá nhân với nhà nước.

Luật chứng khoán: 03 tín chỉ.

Mục tiêu của học phần pháp luật chứng khoán là phát triển khả năng nắm bắt và áp dụng các quy định của pháp luật chứng khoán trên thực tế. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động liên quan đến chứng khoán, nội dung pháp lí chủ yếu trong các hoạt động liên quan đến chứng khoán và quản lí nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán.

Luật thuế quốc tế: 03 tín chỉ.

Học phần Luật thuế quốc tế giúp sinh viên có những kiến thức pháp luật phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản, khái quát và phổ biến về thuế và xu hướng cải cách thuế trên thế giới hiện nay; nội dung một số sắc thuế chủ yếu của các nước.

Thực tập tốt nghiệp: 3 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên:

- Tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai;
- Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập;
- Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp.
- Sau khi kết thúc thời gian thực tập sinh viên có thể:
- Hiểu và mô tả được những đặc trưng, cơ cấu tổ chức quản lý, chức năng và nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thực tập;
- Mô tả được (những) quy trình nghiệp vụ cụ thể, quy trình pháp lý hoặc quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp tại đơn vị thực tập;

- Biết, hiểu và vận dụng được những kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn tại một bộ phận nghiệp vụ phù hợp ngành, chuyên ngành đào tạo;
- Tổng hợp và trình bày được kết quả hoạt động/hiệu quả hoạt động của đơn vị trong thời gian gần nhất;
- Phát triển khả năng kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.

Khóa luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một chuyên đề tốt nghiệp. Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên:

- Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của cả ngành, của thị trường. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định;
- Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography);
- Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu.
- Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

Xã hội học: 03 tín chỉ.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học; biết triển khai đề tài nghiên cứu xã hội học.

Kinh tế vi mô: 3 tín chỉ

Thị trường được hình thành thông qua sự tương tác giữa cung và cầu, quá trình phân tích hành vi người tiêu dùng và nhà sản xuất giúp hiểu được sự hình thành thị trường và cơ sở vận động của thị thường, các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh đang chi phối thị trường. Từ đó sinh viên được trang bị công cụ phân tích để tiếp cận và hiểu các học phần tiếp theo.

Quản trị học: 3 tín chỉ

Học phần Quản trị học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.

Kinh tế vĩ mô: 3 tín chỉ

Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô bao gồm: Đo lường tổng sản lượng quốc gia; Xác định sản lượng cân bằng quốc gia; chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; sự phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ trong nền kinh tế; Lạm phát và thất nghiệp; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vất đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Kinh tế chính trị Mác–Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, các học thuyết kinh tế; Hiểu được và biết vận dụng vào trong quá trình phân tích, xử lý, đánh giá hệ thống vấn đề khoa học lý thuyết và khoa học thực tiễn trong từng chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo hệ thống quan điểm khoa học, theo tính chất, bản chất của từng hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tư vấn trong cuộc sống xã hội. Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1- bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin, cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc trong phát triển của Việt Nam.

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về quốc phòng toàn dân, về phát triển kinh tế và văn hóa, về đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng và quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

Tin học đại cương: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin
- Khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều hành quản lý: tập tin, thư mục, ổ đĩa, ...
- Tiện ích trên Internet: web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, ...
- Sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng.
- Ứng dụng soạn thảo văn bản.
- Ứng dụng bảng tính.
- Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình diễn.

Project design 1: 3 tín chỉ

Học phần Thiết kế dự án 1 đóng vai trò quan trọng (như mục tiêu nêu trên) trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn quốc tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận hành] trong giáo dục đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về kỹ năng của thị trường lao động.

Project design 2: 3 tín chỉ

Với quan niệm "Người học là trung tâm", môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8)Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hoá giải pháp. Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp.
Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và lô-gic cao.

Luật quốc tế: 03 tín chỉ.

Học phần cung cấp những kiến thức sau:

- Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế;
- Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia;
- Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia;
- Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế;
- Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế
- Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia;
- Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự

Luật sở hữu trí tuệ: 03 tín chỉ.

Học phần Luật sở hữu trí tuệ trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ, như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ, vấn đề đối tượng của sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, thời hạn bảo hộ, quyền và nghĩa vụ của chủ thể, cơ chế bảo hộ. Ngoài ra, nội dung cụ thể về các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ như quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh; quyền đối với giống cây trồng sẽ được đi sâu phân tích, lý giải để từ đó đề ra cơ chế bảo hộ hữu hiệu đối với từng đối tượng cụ thể.

Tiếng Anh 1: 4 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè,...), giao tiếp học thuật và công sở.

Tiếng Anh 2: 4 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần GEP 1. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc như các vấn đề liên quan đế cá nhân, đưa ra yêu cầu, đặt và mua hàng, nói chuyện trên điện thoại, thể hiện sự quan tâm đến nội dung cuộc đàm thoại.

Tiếng Anh 3: 4 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc và tương đối phức tạp trong giao tiếp hằng ngày như nghe và chia sẻ các vấn đề của người khác, khiếu nại, xin lỗi và thể hiện sự đồng cảm.

Tiếng Anh 4: 4 tín chỉ

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

Tiếng Anh 5: 4 tín chỉ

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS.

Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc.

Tiếng Anh 6: 4 tín chỉ

Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Môn học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc. Học phần hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Giáo dục thể chất 1, 2, 3: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam.

Giáo dục quốc phòng an ninh: 165 tiết *(03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2017)*

Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

2.6. Mô tả giảng dạy kỹ năng

- Giảng dạy kỹ năng mềm: Học phần kỹ năng Project Design 1 được giảng dạy ở năm 1, Project Design 2 được giảng dạy ở năm 2, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó người học sẽ phát triển các kỹ năng qua các học phần cốt lõi ngành và học phần cốt lõi nâng cao ở các học kỳ năm học tiếp theo;
- Giảng dạy kỹ năng tiếng Anh: Các học phần Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở 03 học kỳ đầu HK1, HK2, HK3 từ HK4 trở đi, người học tham dự học các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn thực hiện giảng dạy bằng

tiếng Anh); nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành.

2.7. Mô tả trình tự giảng dạy kỹ năng

2.7.1. Tiến trình giảng dạy kỹ năng mềm

Hình 2.3. Tiếng trình giảng dạy kỹ năng mềm

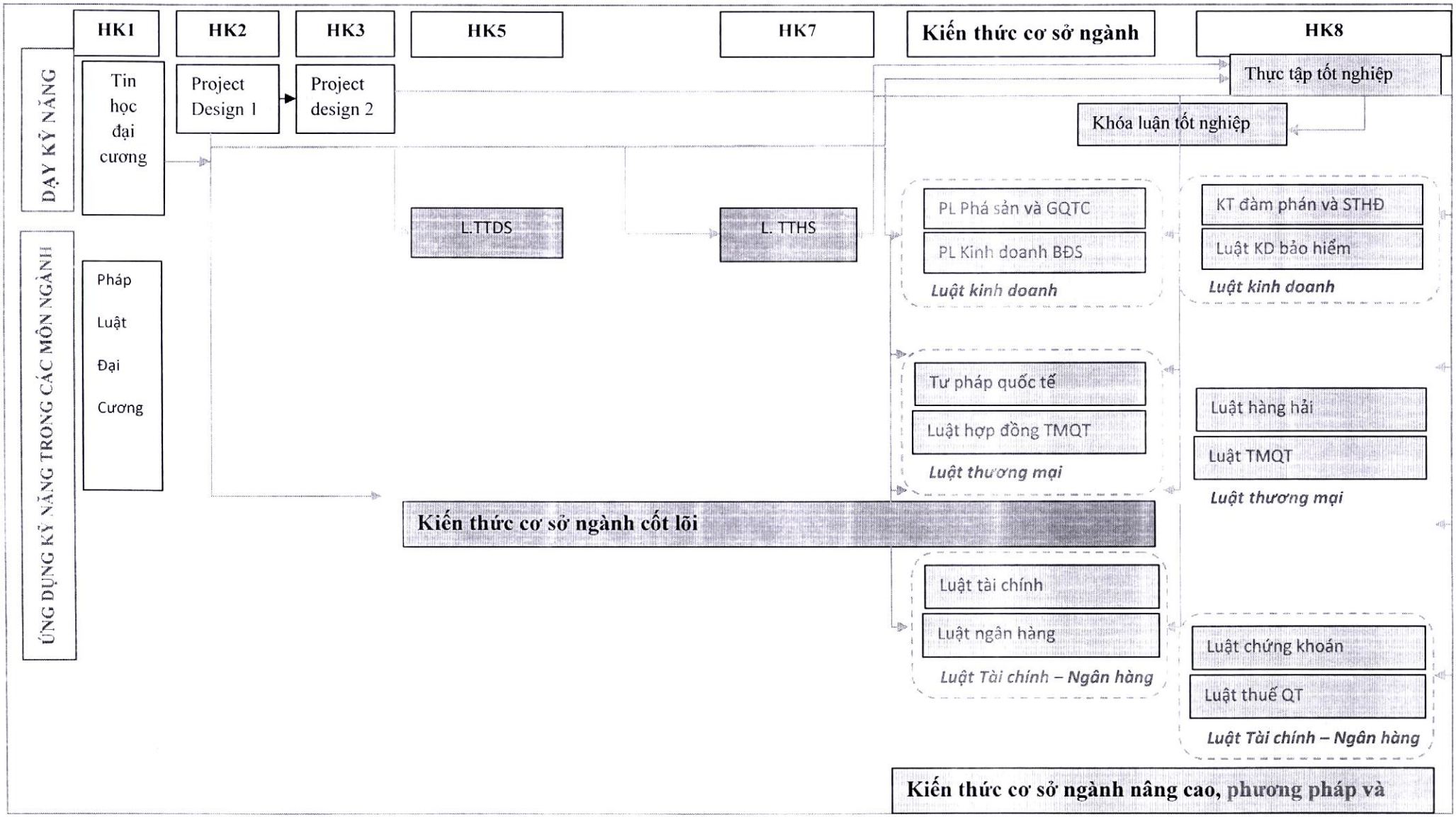

2.7.2. Tiến trình giảng dạy kỹ năng Tiếng Anh

Hình 2.4. Tiếng trình giảng dạy kỹ năng tiến Anh

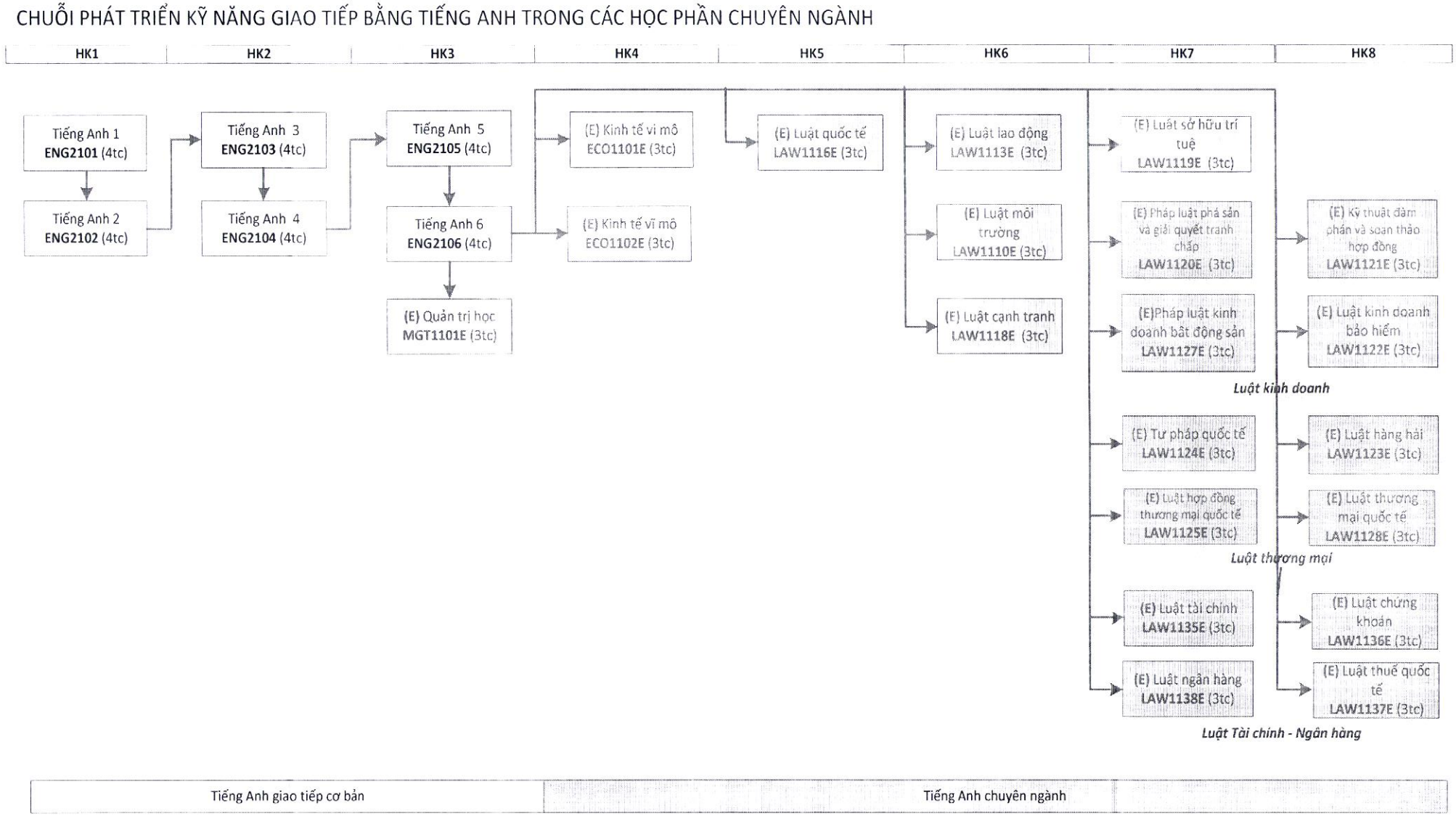

TP.HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2018

TRƯỞNG KHOA L&QHQT	HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Dương Anh Sơn	TS. Nguyễn Thanh Giang